TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2023/HS-ST
Ngày 11-5-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONGTỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: ông Vũ Văn Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phan Hữu Tỷvà ông Lý Văn Hòe.

- Thư ký phiên toà: bà Kiều Thị Thành – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Glong.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: bà Lang Thị Tố - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 18/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2023/QĐXXST-HS, ngày 27 tháng 4năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Văn T (tên gọi khác: Trần Văn T1), sinh năm 1960 tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã Đ, huyện M, thành phố Hà Nội; chỗ ở trước khi phạm tội: Khu 5, Ấp 8, xã A, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 7/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn L và bà Nguyễn Thị L1 (đều đã chết); vợ là Bùi Thị T (đã ly hôn) và 02 con, lớn sinh năm 1984, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Sơn Bình cũ bắt tập trung cải tạo 36 tháng tại Trại cải tạo V, huyện T, tỉnh Hà Tây theo Quyết định số: 170-QĐ/UB ngày 29/12/1986. Bị Tòa án quân sự khu vực Thủ đô Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội *"Tàng trữ, chiếm đoạt, sử dụng trái phép vũ khí quân dụng"*tại Bản án số: 16/2011/HSST ngày 22/9/2011; bị bắt tạm giữ ngày 30/11/2022 sau đó chuyển sang tạm giam, đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đắk Glong– có mặt.

Bị hại: bà Phạm Phượng T2, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông – có mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: bị cáo Trần Văn T làm thuê và ở tại nhà bà Phạm Phượng T2 tại thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Khoảng 08 giờ ngày 06/6/2014, bị cáo mượn xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future màu đen, biển kiểm soát (BKS) 48B1 – 273.40 của bà T2 để đi dự tiệc tân gia ở xã Q, huyện Đ. Khi đi bị cáo vào trong nhà lấy giấy tờ xe trong túi xách của bà T2 rồi điều khiển xe đến trung tâm xã Q. Trên đường đi bị cáo nảy sinh ý định bán xe để lấy tiền về quê và tiêu xài cá nhân nên không đi tân gia mà điều khiển xe đến thị xã G *(nay là thành phố G)* để bán nhưng không bán được; bị cáo tiếp tục điều khiển xe theoQuốc lộ 14 đến tỉnh Đắk Lắk để tìm nơi bán xe, khi đến khu vực thôn 2, xã T, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông bị cáo bán xe cho cửa hàng mua bán xe cũ *(bị cáo không nhớ tên)* được 10.000.000 đồng và đón xe khách về thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh để làm thuê *(bị cáo không đăng ký thường trú, tạm trú)*. Sau đó bị cáo bị khởi tố và bị bắt theo quyết định truy nã của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong. Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bà Phạm Phượng T2 số tiền 3.500.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đắk Glong đã thu giữ:01 xe mô tô nhãn hiệu Daladal BKS 20L9-9459 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen; số tiền 1.961.000 đồng. Đối với xe mô tô BKS 48B1 – 273.40, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Glong đã ra thông báo truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKS, ngày 13/3/2023 của VKSND huyện Đắk Glong đã truy tố bị cáo Trần Văn Tvề tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; Điều 33; điểm b,p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Trần Văn T01 năm đến 01 năm 06 tháng tù. Về vật chứng: đề nghị chấp nhận trong quá trình điều tra đã trả lại cho bị cáo Trần Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu Daladal BKS 20L9-9459 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen và 1.961.000 đồng. Về trách nhiệm dân sự:bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại theo kết luận định giá, bị cáo đã bồi thường 3.500.000 đồng nên buộc bị cáo tiếp tục bồi thường 22.100.000 đồng.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng đã truy tố, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát và đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai củabị cáo tại phiên toà phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Ngày 06/6/2014 bị cáo Trần Văn T mượn xe mô tô BKS 48B1- 273.40 của bà Phạm Phượng T2 để đi ăn tiệc tân gia. Sau khi nhận xe, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt bán lấy tiền về quê và tiêu xài cá nhân nên bị cáo điều khiển xe đến xã Trường Xuân, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông bán cho cửa hàng mua bán xe máy cũ được 10.000.000 đồng rồi bỏ trốn đến thành phố Hà Nội. Giá trị còn lại của chiếc xe mô tô tại thời điểm bị chiếm đoạt là 25.600.000 đồng.Hành vi của bị cáo đã phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*theo điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

"1. Người nào có một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ bốn triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới bốn triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ ba tháng đến ba năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó;

..."

Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và

tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo đồng thời ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã bồi thường một phần thiệt hại cho bị hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên theo quy định tại điểm b, p khoản 1Điều 46của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị 25.600.000 đồng không thu hồi được nên bị cáo phải bồi thường bằng giá trị cho bị hại; bị cáo đã bồi thường 3.500.000 đồng nên tiếp tục phải bồi thường 22.100.000 đồng còn lại theo Điều 604, Điều 605, Điều 608 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

[5]. Về xử lý vật chứng: Đối với01 xe mô tô nhãn hiệu Daladal BKS 20L9-9459 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen và 1.961.000 đồng không phải là vật chứng, cơ quan CSĐT đã trả cho bị cáo nên không xem xét xử lý.

[6]. Về án phí: bị cáo bị kết án là có tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo**Trần Văn T** (tên gọi khác: Trần Văn Tuệ) phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140; Điều 33; điểm b,p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009. Xử phạt bị cáo **Trần Văn T**01 (*một*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 30/11/2022.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụngĐiều 604, Điều 605, Điều 608 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Chấp nhận trong quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho bà Phạm Phượng T2 3.500.000 (*ba triệu năm trăm nghìn*) đồng. Buộc bị cáo Trần Văn T phải tiếp tục bồi thường cho bà Phạm Phượng T2 22.100.000 (*hai mươi hai triệu một trăm nghìn*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Xử lý vật chứngĐối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Daladal BKS 20L9-9459 và giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 1280 màu đen và 1.961.000 đồng không phải là vật chứng, cơ quan CSĐT đã trả lại cho bị cáo nên không xem xét xử lý.

4. Án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồngán phí hình sự sơ thẩm và 1.105.000 (*một triệu một trăm lẻ năm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận* :**
- TAND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ Công an huyện Đắk Glong;
- Chi cục THA.DS huyện Đ
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký tên và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân